

Số: /BC-UBND

Ngọc Hôi, ngày tháng năm 2021

BÁO CÁO
Tổng kết 10 năm thực hiện Chỉ thị số 10-CT/TW
của Bộ chính trị về giáo dục

Thực hiện Công văn số 780/SGDDĐT-GDTrH, ngày 14/5/2021 của Sở giáo dục và Đào tạo Kon Tum về việc phối hợp báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Chỉ thị số 10-CT/TW của Bộ Chính trị về giáo dục; UBND huyện Ngọc Hôi báo cáo như sau:

I. KHÁI QUÁT ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN VÀ ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH KINH TẾ, XÃ HỘI CỦA ĐỊA PHƯƠNG

Ngọc Hôi là một huyện biên giới, phía Bắc tỉnh Kon Tum, giáp với 02 nước bạn Lào và Campuchia, tổng diện tích tự nhiên khoảng 83.396,22 ha; có 17 dân tộc sinh sống tại 07 xã, 01 thị trấn, trong đó có 05 xã biên giới, 01 xã đặc biệt khó khăn, với 68 thôn, tổ dân phố (61 thôn và 07 tổ dân phố), 56 cơ quan, đơn vị¹. Đến nay có 05/7 xã đạt chuẩn nông thôn mới; tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn huyện giảm còn 4,05%, hộ cận nghèo chiếm tỷ lệ 3,58%. Dân số toàn huyện là 16.791 hộ/61.980 khẩu. Huyện Ngọc Hôi là trung tâm trong tam giác phát triển 3 nước Việt Nam – Lào – Campuchia, có Cửa khẩu quốc tế Bờ Y và là nơi giao nhau giữa các tuyến quốc lộ 14, 14C, quốc lộ 40 và đường Hồ Chí Minh, có chiến lược quan trọng đối với sự phát triển kinh tế xã hội.

Văn hoá - xã hội có bước phát triển, cơ sở vật chất của các trường học đáp ứng cho việc giảng dạy, học tập; toàn huyện còn 30 trường, trong đó có 10 trường mầm non, 11 trường tiểu học, 06 trường trung học cơ sở và 03 trường THPT; trong đó có 22/30 trường đạt chuẩn quốc gia. Duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục - xóa mù chữ. Chất lượng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục được nâng lên, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Các trung tâm học tập cộng đồng tại xã, thị trấn được củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động. Từng bước nâng cao chất lượng giáo dục đối với học sinh DTTS giai đoạn 2016-2020.

II. QUÁ TRÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHỈ THỊ SỐ 10-CT/TW

Căn cứ Chỉ thị 10-CT/TW của Bộ Chính trị (Khoá XI), Kế hoạch số 20-KH/TU, ngày 10-4-2012 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Chỉ thị số 10-CT/TW ngày 05-12-2011 của Bộ Chính trị về “Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 05 tuổi, củng cố kết quả phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở, tăng cường phân luồng học sinh sau trung học cơ sở và xóa mù chữ cho người lớn”, Kế hoạch số 1341/KH-UBND ngày 30/7/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc thực hiện Chỉ thị 10-CT/TW của Bộ Chính trị (Khoá XI), về Phổ cập giáo dục Mầm non cho trẻ 05 tuổi, củng cố kết quả phổ cập giáo dục Tiểu học và Trung học cơ sở, tăng cường phân luồng học sinh

¹ 13 phòng chuyên môn, 35 đơn vị sự nghiệp, 8 xã, thị trấn

sau trung học cơ sở và xóa mù chữ cho người lớn” UBND huyện đã kiện toàn, cụ thể hóa bằng các kế hoạch²; kiểm tra, giám sát, đôn đốc các đơn vị thực hiện hàng năm³.

III. KẾT QUẢ VIỆC THỰC HIỆN 09 NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP ĐỀ RA TRONG CHỈ THỊ SỐ 10-CT/TW

² Quyết định số 1424/QĐ-UBND ngày 03/11/2009 của Ủy ban nhân dân huyện Quyết định thành lập Ban chỉ đạo PCGD huyện; Quyết định số 295/QĐ-BCĐPCGD ngày 10/9/2012 của Ủy ban nhân dân huyện Quyết định về việc ban hành Quy chế, phối hợp tổ chức thực hiện của Ban chỉ đạo PCGD huyện Ngọc Hồi; Phân công nhiệm vụ số 98/PC-BCĐPCGD ngày 26/9/2012 về phân công các thành viên thực hiện công tác PCGD huyện Ngọc Hồi; Quyết định số 521/QĐ-UBND ngày 17/06/2013 của Ủy ban nhân dân huyện Quyết định về việc kiện toàn ban chỉ đạo thực hiện công tác PCGD huyện Ngọc Hồi; Quyết định số 874/QĐ-UBND ngày 27/10/2014 của Ủy ban nhân dân huyện Quyết định về việc thay đổi Trưởng ban chỉ đạo thực hiện công tác PCGD huyện Ngọc Hồi; Kế hoạch số 11/KH-BCĐPCGD ngày 30/03/2012 của Ban chỉ đạo PCGD huyện về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi giai đoạn 2011-2015; Hướng dẫn số 08/HD-BCĐ ngày 14/07/2011 của Ban chỉ đạo Phổ cập giáo dục huyện về tổ chức sơ kết 03 năm thực hiện công tác phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi; Kế hoạch số 35/KH-BCĐPCGD ngày 01/08/2013 của UBND huyện về thực hiện công tác PCGD năm học 2013-2014; Kế hoạch 08/KH-BCĐPCGD ngày 30/01/2013 của Ban chỉ đạo PCGD huyện về thực hiện phổ cập giáo dục tiểu học, trung học cơ sở và xóa mù chữ năm 2013; Kế hoạch 35/KH-BCĐPCGD ngày 02/12/2013 của Ban chỉ đạo PCGD huyện về thực hiện phổ cập giáo dục tiểu học, trung học cơ sở và xóa mù chữ năm 2014; Kế hoạch 802/KH-UBND ngày 30/8/2013 của Ủy ban nhân dân huyện về thực hiện Chương trình 107-CTr/HU ngày 29/7/2013 của ban thường vụ Huyện ủy thực hiện các Nghị quyết, kết luận Hội nghị Trung ương 6 khóa XI; Kế hoạch 1103/KH-UBND ngày 18/9/2014 của ủy ban nhân dân huyện về thực hiện chương trình mục tiêu Quốc gia phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi năm học 2014-2015; Kế hoạch 1102/KH-UBND ngày 20/11/2014 của Ban chỉ đạo PCGD huyện về thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi và phổ cập giáo dục trung học cơ sở năm 2015; Kế hoạch 989/KH-UBND ngày 03/12/2015 của UBND huyện về thực hiện công tác phổ cập giáo dục mầm non trẻ năm tuổi năm học 2015-2016; Quyết định số 109/QĐ-UBND ngày 23/3/2017 của Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hồi về việc thành lập Ban chỉ đạo Phổ cập Giáo dục, xóa mù chữ huyện Ngọc Hồi; Quyết định số 34/QĐ-BCĐ ngày 28/4/2017 của Ban chỉ đạo phổ cập giáo dục, xoá mù chữ huyện về việc Ban hành quy chế làm việc của Ban chỉ đạo phổ cập giáo dục, xoá mù chữ huyện Ngọc Hồi; Kế hoạch số 69/KH-BCĐPCGD-XMC ngày 8/8/2017 của Ban chỉ đạo PCGD-XMC huyện về việc Điều tra, thống kê hiện trạng phổ cập giáo dục xoá mù chữ năm 2017; Kế hoạch số 1671/KH-UBND ngày 10 tháng 11 năm 2017 của UBND huyện về kế hoạch duy trì và nâng cao kết quả phổ cập giáo dục, xóa mù chữ của huyện Ngọc Hồi giai đoạn 2017-2020; Kế hoạch số 46/KH-PCGD-XMC ngày 28/12/2018 của Ban chỉ đạo phổ cập giáo dục, xoá mù chữ huyện về việc thực hiện công tác phổ cập giáo dục, xoá mù chữ năm 2019; Kế hoạch số 59/KH-BCĐPCGD-XMC ngày 07/08/2019 về việc điều tra, vận hành và sử dụng hệ thống thông tin quản lý phổ cập giáo dục, xoá mù chữ năm 2019; Công văn số 266/BCĐPCGD-XMC ngày 24/7/2019 của Ban Chỉ đạo PCGD-XMC huyện về việc hướng dẫn công tác phổ cập giáo dục, xoá mù chữ năm 2019; Kế hoạch 1708/KH-BCĐPCGD-XMC ngày 31/7/2020 của Ban Chỉ đạo PCGD-XMC huyện về việc điều tra, vận hành và sử dụng hệ thống thông tin quản lý phổ cập giáo dục, xoá mù chữ năm 2020; Quyết định 2595/QĐ-UBND ngày 09/12/2020 của UBND huyện Ngọc Hồi về việc thành lập Đoàn kiểm tra, công nhận duy trì kết quả đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xoá mù chữ năm 2020; Kế hoạch số 43/KH-ĐKTrPCGD-XMC ngày 09/12/2020 của Đoàn kiểm tra về việc kiểm tra, công nhận duy trì kết quả đạt chuẩn phổ cập giáo dục - xoá mù chữ năm 2020 các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Ngọc Hồi; Kế hoạch số 633/KH-UBND ngày 10/5/2019 của UBND huyện về việc thực hiện Đề án “Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh sau tốt nghiệp trung học cơ sở giai đoạn 2018-2025” trên địa bàn huyện Ngọc Hồi.

³ Hướng dẫn số 08/HD-BCĐPCGD ngày 27/07/2012 của Ban chỉ đạo Phổ cập giáo dục huyện về hướng dẫn điều tra thống kê PCGD năm 2012; Công văn số 175/CV-BCĐPCGD ngày 19/8/2013 của ban chỉ đạo PCGD huyện về việc báo cáo sơ kết 3 năm thực hiện PCGD MN cho trẻ 5 tuổi; Công văn số 1049/UBND-TH ngày 12/11/2013 của ủy ban nhân dân về thực hiện kết luận của đồng chí Lê Thị Kim Đơn, Phó chủ tịch UBND tỉnh, Trưởng ban chỉ đạo PCGD tỉnh; Kế hoạch 1103/KH-UBND ngày 18/9/2014 của ủy ban nhân dân huyện về thực hiện chương trình mục tiêu Quốc gia phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi năm học 2014-2015; Quyết định số 109/QĐ-UBND ngày 23/3/2017 của Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hồi về việc thành lập Ban chỉ đạo Phổ cập Giáo dục, xóa mù chữ huyện Ngọc Hồi; Quyết định số 34/QĐ-BCĐ ngày 28/4/2017 của Ban chỉ đạo phổ cập giáo dục, xoá mù chữ huyện về việc Ban hành quy chế làm việc của Ban chỉ đạo phổ cập giáo dục, xoá mù chữ huyện Ngọc Hồi; Công văn số 266/BCĐPCGD-XMC ngày 24/7/2019 của Ban Chỉ đạo PCGD-XMC huyện về việc hướng dẫn công tác phổ cập giáo dục, xoá mù chữ năm 2019; Quyết định 2595/QĐ-UBND ngày 09/12/2020 của UBND huyện Ngọc Hồi về việc thành lập đoàn kiểm tra, công nhận duy trì kết quả đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xoá mù chữ năm 2020 và nhiều văn bản chỉ đạo khác.

1- Kết quả đạt được: Ủy ban nhân dân huyện căn cứ vào nội dung của Chỉ thị số 10-CT/TW chỉ đạo sâu sát, theo dõi chặt chẽ việc thực hiện các kế hoạch; hàng năm ra Quyết định thành lập đoàn, tổ chức kiểm tra việc thực hiện tại các xã, thị trấn để công nhận hoặc công nhận lại đối với các xã đạt; đề nghị ban chỉ đạo PCGD, XMC cấp tỉnh về kiểm tra công nhận khi đạt các tiêu chí. Cụ thể:

1.1. Bổ sung và hoàn thiện chính sách và bảo đảm các điều kiện cần thiết hỗ trợ bậc mầm non phát triển bền vững, nâng dần tỷ lệ huy động trẻ từ 03 đến 05 tuổi được học mẫu giáo, thực hiện chăm sóc, giáo dục 02 buổi/ngày; hoàn thành mục tiêu phổ cập giáo dục mầm non 05 tuổi vào năm 2015.

1.1.1. Kết quả đạt được

Thực hiện chi trả chế độ, chính sách cho học sinh mầm non đầy đủ⁴; chính sách đã tạo điều kiện cho các gia đình có con em trong độ tuổi đi học được hỗ trợ ăn trưa, tạo điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ tốt hơn. Đặc biệt là con hộ nghèo, học sinh là người đồng bào dân tộc thiểu số.

- Về học sinh

+ Triển khai chương trình GDMN cho 13 trường (10 trường công lập, 03 trường ngoài công lập) với 151 lớp/4069 trẻ (tăng 23 lớp/643 học sinh so với năm 2011; giảm 3 lớp/296 học sinh so với năm 2016). Riêng trẻ 05 tuổi học chương trình GDMN 1305/1307 trẻ, tỷ lệ 99,8% (Có 02 học sinh bị não úng thủy, không thể ra lớp). Tăng 304 học sinh so với năm 2011; tăng 86 học sinh so với năm 2016.

+ Tỷ lệ huy động trẻ trong độ tuổi ra lớp: Trẻ nhà trẻ ra lớp 576/2613, tỷ lệ 22,04%, trẻ mẫu giáo ra lớp 4067/4162, tỷ lệ 97,7%, (tăng 6,4% so với năm 2016); trẻ 05 tuổi hoàn thành chương trình Mầm non năm học 2020-2021: 1298/1298, tỷ lệ 100%. Số trẻ, học sinh đến trường được học 2 buổi/ngày: 1283/1298, tỷ lệ 98,84%; tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân chiếm 6,7%, tỷ lệ trẻ thấp còi còn 8,84% (tính đến thời điểm cuối học kỳ I, năm học 2020-2021).

- Về đội ngũ giáo viên

Đội ngũ giáo viên mầm non từng bước được bổ sung và nâng cao chất lượng. Toàn huyện có 206 giáo viên mầm non, đạt 1,36 /lớp (tăng 59 giáo viên so với cuối năm 2016); giáo viên đạt chuẩn 100%, trên chuẩn 125/206 giáo viên, đạt 62,8% (so với năm 2016 tăng 15 giáo viên).

- Về cơ sở vật chất

⁴ Hỗ trợ chế độ ăn trưa cho trẻ theo Quyết định 239/QĐ-TTg ngày 09/02/2010; Quyết định 60/2011/QĐ-TTg ngày 26/10/2011; NĐ 06/2018 thay thế cho QĐ 239/60; Nghị định 105/2020 thay thế cho NĐ 06/2018; Năm 2012: 2782 học sinh/3.004.560.000 đồng; năm 2013: 2795 học sinh/2.982.000 đồng; năm 2014: 2710 học sinh: 2.922.120.000 đồng; năm 2015: 2797 học sinh/2.948.160.000 đồng; năm 2016: 2786 học sinh/1.671.600.000 đồng; năm 2017: 3023 học sinh/3.072.620.000 đồng; năm 2018: 1439 học sinh/681.780.000 đồng; năm 2019: 699 học sinh/884.490.000 đồng; năm 2020: 1250 học sinh/707.726.000 đồng; năm 2021: 569 học sinh/454.889.000 đồng.

Có 154 phòng/154 lớp (*tăng 23 phòng so với 2016*); có 57 phòng dành cho 57 lớp 5 tuổi, đảm bảo cho mỗi phòng/lớp; 100% phòng học đảm bảo diện tích tối thiểu, có đủ ánh sáng, an toàn, thoáng mát về mùa hè, ấm áp về mùa đông; 100% lớp 5 tuổi có nhà vệ sinh đạt theo yêu cầu; 12 điểm trường chính và 28 điểm trường lẻ đều có biển tên trường, hàng rào, cây xanh, bóng mát, an toàn cho trẻ vui chơi học tập; trong và xung quanh khuôn viên trường vệ sinh sạch sẽ, an toàn. Có đủ nguồn nước sạch sử dụng; hệ thống thoát nước đảm bảo, không có nước tụ đọng, giơ bẩn; 12/13 trường mầm non có nhà bếp tổ chức bán trú tập trung, tỷ lệ 92.3%.

Có 8/8 xã thị trấn có đủ bộ thiết bị dạy học tối thiểu cho các lớp mầm non, tỷ lệ 100%.

* **Đánh giá chung:** tính đến 05/2021 huyện Ngọc Hồi có 8/8 xã, thị trấn duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non trẻ 5 tuổi.

1.1.2. Hạn chế, yếu kém

- Tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi ở một số xã còn cao (*xã Đăk Ang 32/214 chiếm tỷ lệ 15%, Sa Loong 44/214 chiếm 20.18%*).

- Tỷ lệ giáo viên/lớp còn thấp so với quy định (1,36 giáo viên/lớp).

- Một số sân chơi ở các điểm lẻ còn thiếu đồ chơi ngoài trời, nhiều phòng học đã xây dựng lâu năm nên xuất hiện tình trạng hư hỏng, xuống cấp.

1.1.3. Nguyên nhân

- Do đời sống một bộ phận người dân còn nhiều khó khăn nên chưa có đầy đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ; công tác phối hợp giữa gia đình và nhà trường trong việc chăm sóc, giáo dục trẻ còn nhiều hạn chế.

- Do học sinh, lớp tăng hàng năm nhưng biên chế giáo viên không tăng.

1.2. Tiếp tục củng cố vững chắc và phát triển kết quả phổ cập giáo dục đã đạt được; hoàn thành phổ cập giáo dục trung học cơ sở (PCGDTHCS) và phổ cập giáo dục tiểu học (PCGDTH) đúng độ tuổi ở những huyện, xã chưa đạt chuẩn; việc từng bước tiến hành phổ cập giáo dục trung học ở những nơi có điều kiện.

1.2.1. Kết quả đạt được

***Kết quả thực hiện PCGDTH ĐĐT mức độ 3 (năm 2020)**

- Tính đến năm học 2020-2021, hệ thống trường tiểu học đã đáp ứng cơ bản nhu cầu học tập của học sinh⁵, tăng 1165 học sinh so với 2011; Huy động trẻ 6 tuổi vào lớp 1 là 1255/1255, tỷ lệ 100% (*so với năm 2016: tăng 69 học sinh*); 100% các trường tiểu học học 2 buổi/ngày.

- Tổng số giáo viên tiểu học 323 (*tăng 21 giáo viên so với năm 2016*). Tỷ lệ giáo viên/ lớp đạt 1,42 (*323 giáo viên/228 lớp*); Giáo viên đạt trình độ chuẩn 291/324, đạt 89,8% (*tăng 16,6% so với 2011 - Năm 2011 có 194/265 giáo viên, tỷ lệ 73,2%*).

- Cơ sở vật chất: có 256 phòng/228 lớp, đạt tỷ lệ 1.12 (*tăng 41 phòng*);

- Khuôn viên trường học: xanh-sạch-đẹp, có nguồn nước sạch sử dụng, có khu vệ sinh dành riêng cho Nam và Nữ, sân chơi, bãi tập đảm bảo theo yêu cầu.

⁵ Toàn huyện có 11 trường tiểu học và 03 trường TH-THCS (có cấp tiểu học) với 230 lớp/6620 học sinh.

-8/8 xã thị trấn đạt chuẩn PCGD TH mức độ 3. Huyện Ngọc Hồi đạt chuẩn PCGD TH mức độ 3.

*** Phổ cập giáo dục trung học cơ sở (PCGDTHCS)**

- Huyện được công nhận đạt chuẩn PCGD THCS vào năm 2008 và duy trì các tiêu chuẩn đạt được. Tỷ lệ trẻ từ 11- 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học 4299/4414, tỷ lệ 97.39%; (Năm 2016: 97,2%; Năm 2011: 95,6%); Tỷ lệ huy động trẻ hoàn thành chương trình tiểu học vào học lớp 6 đạt 100% (Năm 2016: 99,8%; Năm 2011: 98,7%); tỷ lệ trẻ từ 15-18 tuổi tốt nghiệp THCS (2 hệ): đạt 92.95% (Năm 2016: 85,2%; Năm 2011: 83%);

- Về giáo viên: Có 219 giáo viên THCS. Tỷ lệ 1,82gv/lớp; (219 giáo viên/120 lớp); Giáo viên đạt trình độ chuẩn 214/219, tỷ lệ 99,7%, trên chuẩn 0% (tính theo Luật giáo dục 2019);

- Cơ sở vật chất: có 124 phòng/120 lớp, đạt tỷ lệ 1,03 (tăng 22 phòng so với năm 2011); có 9/9 trường có thư viện; 6 trường có thư viện đạt chuẩn (tăng 3 trường so với năm 2016).

1.2.2. Hạn chế, yếu kém

- Học sinh bỏ học vẫn còn xảy ra (năm học 2019-2020 học sinh bỏ học giữa chừng 47/14.700, chiếm tỷ lệ 0,31%); tỉ lệ chuyên cần một bộ phận học sinh DTTS chưa cao.

- Các phòng máy để phục vụ cho công tác dạy và học môn tin học chưa đáp ứng đầy đủ (do 04 trường cấp trước đã hư hỏng không thể dạy được) .

1.2.3. Nguyên nhân

- Học sinh bỏ học do điều kiện kinh tế gia đình học sinh còn nhiều khó khăn, gia đình chưa quan tâm nhiều đến việc học của các em. Năng lực tiếp thu kiến thức của các em còn hạn chế. Sự phối hợp giữa các cấp, các ngành chưa thật gắn kết nên việc vận động chưa hiệu quả.

- Thiếu phòng máy và giáo viên để đáp ứng việc triển khai dạy học Tin học, Ngoại ngữ theo yêu cầu đổi mới CTGDPT mới (2018): Do nhu cầu lớn nhưng ngân sách địa phương còn hạn hẹp.

1.3. Nhà nước tăng cường hỗ trợ giúp các địa phương đẩy mạnh công tác xóa mù chữ cho những người trong độ tuổi lao động, giảm tỷ lệ người tái mù chữ ở người lớn, người lao động tự do.

1.3.1. Kết quả:

- Công tác XMC trong 10 năm qua đã được quan tâm, chú trọng. Các ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức xã hội đã vào cuộc mạnh mẽ, phối kết hợp thực hiện đồng bộ, hiệu quả nhiều giải pháp. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền dưới nhiều hình thức như thông qua buổi sinh hoạt thôn, tổ dân phố, hội phụ Nữ, Đoàn thanh niên, các chức sắc tôn giáo, qua các phương tiện thông tin đại chúng, tờ rơi, băng rôn, các cuộc họp giao ban, hội nghị qua đó đã mở được một số lớp xóa mù chữ, bổ túc THCS như sau:

+ Năm 2011: mở 02 lớp (lớp 3) với 44 học viên , Nữ 40, DTTS 44; 02 lớp 8 với 43 học viên, Nữ 08, DTTS 43.

+ Năm 2012: mở 02 lớp 9 với 43 học viên, Nữ 08, DTTS 43.

+ Năm 2013: mở 01 lớp 9 với 17 học viên, Nữ 07, DTTS 14.

1.3.2. Hạn chế, yếu kém

Số người từ 15 đến 60 tuổi mù chữ mức độ 2 toàn huyện vẫn còn cao: 1920/33243 người, tỷ lệ 4,88%, trong đó, dân tộc thiểu số là 1624/19898 người, tỷ lệ 8,16%; một số xã có tỷ lệ mù chữ cao như xã Đắc Ang 15,45%; Sa Loong 8,72%.

1.3.3. Nguyên nhân

Không thể vận động số người mù chữ ra lớp học xóa mù chữ, bỏ túc vì: hầu hết các đối tượng này ở rải rác các thôn nên khó tập trung để mở lớp, hơn nữa họ là lao động chính trong gia đình nên thường xuyên phải đi làm nương rẫy để lo chuyện mưu sinh; đại đa số đều là người lớn tuổi, người đồng bào dân tộc thiểu số, có đời sống kinh tế còn gặp nhiều khó khăn, hơn nữa ở độ tuổi này họ thường ngại, mặc cảm với mọi người nên khó vận động để mở lớp học xóa mù chữ.

1.4. Triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm thực hiện tốt việc phân luồng học sinh sau khi tốt nghiệp trung học cơ sở theo hướng tăng nhanh tỷ lệ học sinh vào học ở các trường trung cấp chuyên nghiệp, trung cấp nghề. Tăng cường đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất trang thiết bị dạy và học nghề; hỗ trợ các trung tâm giáo dục thường xuyên dạy bổ túc văn hóa trung học phổ thông gắn với dạy nghề; có cơ chế khuyến khích các cơ sở tuyển dụng học sinh sau trung học cơ sở qua đào tạo nghề; tạo điều kiện thuận lợi để học sinh học liên thông lên các cấp học cao hơn.

1.4.1. Kết quả đạt được

- Năm 2018-2019, số học sinh tốt nghiệp THCS là 849 học sinh. Trong đó, số học sinh vào học tại các trường THPT trên địa bàn toàn huyện là 495 học sinh, chiếm tỉ lệ 58,3%, vào học tại các trường PT DTNT là 89 học sinh, tỉ lệ 10,5%. Năm 2019-2020, số học sinh tốt nghiệp THCS là 788 học sinh. Trong đó, số học sinh vào học tại các trường THPT trên địa bàn toàn tỉnh là 464 học sinh, chiếm tỉ lệ 58,9%, tăng 0,6% so với năm học 2018-2019. Số học sinh vào học tại các trường PT DTNT là 120, chiếm tỉ lệ 15,2%, tăng 4,7% so với năm học 2018-2019. Theo đó, số học sinh ở nhà tham gia lao động sản xuất có chiều hướng giảm. Năm học 2019-2020 là 168 em, chiếm tỷ lệ 19,8% giảm 1,7% so với năm học 2018-2019.

1.4.2. Hạn chế, yếu kém

- Tỷ lệ phân luồng học sinh chưa đạt chỉ tiêu theo Kế hoạch 633/KH-UBND⁶, mới đạt 5,6% (Kế hoạch: ít nhất 25% học sinh tốt nghiệp THCS tiếp tục học tập tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp).

1.4.3. Nguyên nhân

⁶ Kế hoạch số 633/KH-UBND ngày 10/5/2019 của UBND huyện về việc thực hiện Đề án “Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh sau tốt nghiệp trung học cơ sở giai đoạn 2018-2025” trên địa bàn huyện Ngọc Hồi.

- Công tác hướng nghiệp tại các trường THCS hiện nay đã và đang thực hiện theo hình thức thông qua các buổi sinh hoạt ngoại khóa, với thời gian ngắn, hơn nữa đội ngũ tuyên truyền viên lại là giáo viên đang giảng dạy ở các trường phổ thông, nên thiếu nghiệp vụ lẫn kinh nghiệm, cũng như phương thức truyền đạt, dẫn tới đạt hiệu quả thấp.

- Nhận thức của một bộ phận phụ huynh về học nghề sau khi TN THCS còn hạn chế. Một bộ phận học sinh người dân tộc thiểu số sau khi học hết THCS muốn ở nhà làm nương rẫy, kiếm tiền và xây dựng gia đình chứ không không muốn đi học nghề. Cho nên tỉ lệ vào học các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đào tạo trình độ trung cấp, sơ cấp không có hoặc rất thấp.

1.5. Tập trung nguồn lực phát triển giáo dục, nâng cao chất lượng và hiệu quả phổ cập giáo dục ở những vùng đặc biệt khó khăn, vùng sâu, vùng xa. Có những giải pháp tích cực để nâng cao trình độ tiếng Việt, giảm tỷ lệ lưu ban và bỏ học đối với học sinh ở những vùng khó khăn, đặc biệt là học sinh người dân tộc thiểu số.

1.5.1. Kết quả đạt được

- Ngân sách Nhà nước cấp cho chương trình mục tiêu Quốc gia về phổ cập giáo dục từ năm 2011-2016 là: 912.456.340 đồng. Ngân sách của tỉnh cấp để thực hiện đề án 05 về nâng cao chất lượng GD DTTS từ 2011 đến 2016 là: 1.496.369.000 đồng. Ngân sách của tỉnh cấp để thực hiện đề án 05 về nâng cao chất lượng GD DTTS từ 2017 đến 2020 là: 2.434.792.000 đồng⁷.

- Công tác tăng cường tiếng Việt cho trẻ mẫu giáo ở những vùng đồng bào dân tộc thiểu số tiếp tục được triển khai thực hiện kịp thời. Thực hiện kịp thời các chế độ chính sách cho học sinh nhằm thu hút và vận động học sinh ra lớp, tham mưu xây dựng cơ sở vật chất trang thiết bị dạy học. Làm tốt công tác điều tra thống kê, huy động học sinh trong độ tuổi ra lớp, đổi mới hình thức tổ chức lớp học nhằm thu hút học sinh đi học. Tạo môi trường Tiếng Việt trong và ngoài lớp học, đẹp hấp dẫn, phong phú thu hút trẻ. Tổ chức giao lưu Tiếng Việt tăng cường sự giao tiếp với trẻ, đặc biệt tăng cường giao tiếp bằng tiếng Việt.

- Thực hiện tốt công tác đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới kiểm tra đánh giá; lựa chọn giáo viên có kinh nghiệm dạy phụ đạo học sinh yếu kém; tăng cường tiếng Việt cho học sinh dân tộc thiểu số; làm tốt công tác phối hợp giữa Gia đình - Nhà trường - Xã hội.

- Tích cực tuyên truyền vai trò trách nhiệm của cá nhân, tập thể trong việc thực hiện các mục tiêu về phổ cập giáo dục, xoá mù chữ; đối với học sinh có nguy cơ bỏ học phải xác định rõ nguyên nhân cơ bản dẫn đến bỏ học từ đó đề ra các giải pháp tổ chức vận động. Chỉ đạo ngành giáo dục phối hợp UBND các xã, thị trấn, Hội khuyến

⁷ Kinh phí đề án 05 đã thực hiện: Năm 2017: 438.633.000 đồng; Năm 2018: 461.655.000 đồng; Năm 2018: 765.787.000 đồng; Năm 2020: 768.717.000 đồng.

học, Ban đại diện hội cha mẹ học sinh, Đoàn thanh niên, các đoàn thể khác làm tốt công tác huy động học sinh ra lớp và công tác tuyển sinh hằng năm.

1.5.2. Hạn chế, yếu kém

Một số học sinh THCS bỏ học các năm qua không thể vận động ra để mở lớp bỏ túc THCS được.

1.5.3. Nguyên nhân

- Do hầu hết các đối tượng này lười học, học yếu lại là lao động chính trong gia đình gia đình,.. nên ảnh hưởng không nhỏ đến công tác duy trì sĩ số và chất lượng phổ cập giáo dục, xoá mù chữ.

1.6. Huy động mọi nguồn lực trong xã hội để phát triển mạng lưới trường lớp, nâng cấp cơ sở vật chất, bổ sung đồ dùng, thiết bị dạy và học theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, phục vụ thiết thực công tác phổ cập giáo dục. Thực hiện tốt chương trình đổi mới cơ chế hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, đẩy mạnh xã hội hóa một số loại hình dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo nghề; đồng thời tăng đầu tư từ ngân sách nhà nước cho công tác xoá mù chữ và phổ cập giáo dục.

1.6.1. Kết quả đạt được: Công tác xã hội hoá giáo dục được triển khai có hiệu quả, góp phần phát triển sự nghiệp giáo dục trong thời gian qua. Các ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức chính trị-xã hội đã thường xuyên vận động học sinh ra lớp, quyên góp sách, vở, đồ dùng học tập, kinh phí để hỗ trợ cho học sinh ở vùng khó khăn, học sinh nghèo có điều kiện học tập.

Các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội đã tổ chức tuyên truyền, vận động mọi tầng lớp nhân dân trên địa bàn huyện huy động con em đi học đúng độ tuổi; vận động các tổ chức, cá nhân tham gia xã hội hóa giáo dục để hỗ trợ xây dựng cơ sở vật chất cho nhà trường, giúp đỡ các đối tượng trong độ tuổi phổ cập giáo dục hoàn thành chương trình phổ cập giáo dục.

Các doanh nghiệp đóng chân trên địa bàn huyện đã hỗ trợ vở, bút, vật chất cho các trường học để tạo điều kiện thuận lợi cho học sinh đến trường, khen thưởng giáo viên và học sinh,... đã động viên tinh thần cho cán bộ, giáo viên và học sinh thực hiện tốt nhiệm vụ; các đơn vị bộ đội kết nghĩa với các trường học và nhân dân trên địa bàn xã, thị trấn đã đóng góp ngày công để bê tông hóa sân trường, vệ sinh trường lớp, làm hàng rào xung quanh trường

Cụ thể:

Về đầu tư cơ sở vật chất: Tiếp tục đầu tư xây dựng, nâng cấp cơ sở vật chất cho bằng nhiều nguồn khác nhau như: chương trình kiên cố hóa trường lớp; chương trình 160 xã biên giới; vốn xổ số kiến thiết; ngân sách huyện; đầu tư xã đặc biệt khó khăn theo NQ 04..., mạng lưới trường lớp từng bước được đầu tư xây dựng; cơ sở vật chất, thiết bị dạy học tiếp tục được trang bị; công tác tu sửa, xây dựng mới các công trình trong trường học triển khai thực hiện hiệu quả. Từ năm 2016 đến 2020 tổng kinh

phí xây dựng trên 93.139.858.740 đồng; sửa chữa, trang bị mới bàn ghế học sinh tổng kinh phí 841.000.000 đồng.

Công tác xây dựng trường đạt chuẩn Quốc gia gắn với việc xây dựng Nông thôn mới ở các xã đã hoàn thành và vượt chỉ tiêu kế hoạch đề ra. Đến nay, toàn huyện có 5/6 xã đạt chuẩn Nông thôn mới.

Việc xã hội hoá cho Giáo dục và Đào tạo ngoài ngân sách nhà nước: Hàng năm, UBND huyện đã chỉ đạo, hướng dẫn các cơ sở giáo dục thực hiện công tác xã hội hóa theo đúng các văn bản chỉ đạo của các cấp (Thông tư 16/2018/TT-BGDĐT ngày 03/08/2018); vì vậy đa số các trường học đã huy động được các nguồn lực trong xã hội để thực hiện đầu tư, sửa chữa, trang bị cơ sở vật chất và các trang thiết bị dạy học (chủ yếu thực hiện các công trình nhỏ như bê tông hóa sân trường, sơn sửa lớp học, mua sắm đồ chơi ngoài trời, ...); không để xảy ra tình trạng lạm thu, gây dư luận bức xúc trong nhân dân. Kết quả huy động xã hội hóa giáo dục tại các trường học từ năm 2016 đến 2020 là 1.695.772.500 đồng.

1.6.2. Hạn chế, yếu kém và nguyên nhân: Đời sống kinh tế của người dân ở các xã vùng dân tộc thiểu số còn khó khăn nên việc huy động công tác xã hội hóa giáo dục còn hạn chế.

1.7. Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng, hiệu lực quản lý nhà nước đối với công tác phổ cập giáo dục. Làm tốt công tác tuyên truyền vận động, kịp thời biểu dương người tốt, việc tốt và những địa phương làm tốt công tác phổ cập giáo dục; phối hợp liên ngành, phát huy kết quả hoạt động của các tổ chức trong hệ thống chính trị, tiếp tục đẩy mạnh xã hội hóa công tác phổ cập giáo dục. Thực hiện tốt công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát để bảo đảm nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục.

1.7.1. Kết quả đạt được:

Tổ chức quán triệt các Nghị quyết Trung ương, Chỉ thị của Bộ Chính trị, Nghị quyết của Quốc hội, Chỉ thị của Tỉnh ủy, Huyện ủy, Nghị quyết của HĐND các cấp và các văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh, huyện về công tác PCGD-XMC. Tăng cường tuyên truyền, phổ biến, vận động để nâng cao nhận thức, trách nhiệm của xã hội đối với công tác PCGD-XMC. Tăng cường sự phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường, gia đình và chính quyền để kịp thời nắm bắt hoàn cảnh, điều kiện học tập của từng học sinh, từ đó có giải pháp hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi để các em đến trường nhằm duy trì tốt sĩ số học sinh, nâng cao chất lượng giáo dục và hạn chế tình trạng học sinh bỏ học.

Ủy ban nhân huyện đã triển khai Kế hoạch số 20-KH/TU, ngày 10/4/2012 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Kế hoạch số 1341/KH-UBND ngày 30/7/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc thực hiện Chỉ thị số 10-CT/TW, ngày 05/12/2011 của Bộ Chính trị về “Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, củng cố kết quả phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở, tăng cường phân luồng học sinh sau trung học cơ sở và xóa mù chữ cho người lớn”; Kế hoạch số 1671/KH-UBND, ngày 10/11/2017

của Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hồi về việc duy trì và nâng cao kết quả phổ cập giáo dục, xoá mù chữ giai đoạn 2017-2020;

1.7.2. Hạn chế, yếu kém và nguyên nhân:

Trình độ dân trí không đồng đều, nhất là vùng đồng bào dân tộc thiểu số người dân chưa nhận thức đúng về tầm quan trọng của công tác phổ cập giáo dục-xoá mù chữ nên ít quan tâm chăm lo đến việc học tập của con em mình, vẫn còn tư tưởng ỷ lại, khoán trắng cho nhà trường và trông chờ vào sự đầu tư, hỗ trợ của Nhà nước.

2. Đánh giá chung

2.1. Ưu điểm, hạn chế

a. Ưu điểm

- Được sự quan tâm chỉ đạo của Huyện ủy, sự lãnh đạo, điều hành của UBND huyện nên giáo dục của huyện đã có nhiều thay đổi, chất lượng giáo dục đã từng bước ổn định. Công tác phổ cập giáo dục, xoá mù chữ được quan tâm, triển khai thực hiện tốt tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện. Ban chỉ đạo huyện đã phân công các thành viên theo dõi, phụ trách công tác PCGD-XMC theo chức năng của các ban, ngành, đoàn thể; Chỉ đạo các xã, thị trấn kiện toàn Ban chỉ đạo phổ cập giáo dục, xoá mù chữ; Xây dựng kế hoạch, tổ chức rà soát, điều tra, thống kê, tổng hợp về công tác PCGD, XMC trên địa bàn.

- Chỉ đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo tổ chức tốt việc tập huấn nghiệp vụ điều tra hiện trạng giáo dục, thiết lập và quản lý hồ sơ PCGD-XMC, nhập dữ liệu lên hệ thống PCGD, XMC của Bộ Giáo dục và Đào tạo cho tất cả các đơn vị trường trực thuộc; Đã có nhiều biện pháp tích cực, có hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng giảng dạy đối với các bậc học, nhờ đó góp phần nâng cao tỉ lệ học sinh hoàn thành chương trình bậc học và giảm tỉ lệ trẻ suy dinh dưỡng, học sinh lưu ban, bỏ học.

- UBND huyện kịp thời chỉ đạo triển khai Đề án “Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh giáo dục phổ thông trên địa bàn huyện”⁸.

- UBND huyện đã tổ chức tốt việc kiểm tra công nhận các xã, thị trấn trên địa bàn huyện đạt chuẩn PCGD, XMC hàng năm, hoàn thành tốt và vượt chỉ tiêu đã đăng ký tại Kế hoạch số 2405/KH-UBND ngày 06/9/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc duy trì và nâng cao kết quả phổ cập giáo dục, xoá mù chữ của tỉnh Kon Tum giai đoạn 2017-2020.

- Các phòng, ban, ngành, đoàn thể quan tâm hỗ trợ và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện công tác phổ cập giáo dục, xoá mù chữ trên địa bàn.

b. Hạn chế

- Nhận thức của người dân và xã hội về vị trí, vai trò, của giáo dục nghề nghiệp đối với lập thân, lập nghiệp của người lao động chưa đúng, chưa đầy đủ, công tác giáo dục hướng nghiệp tại các trường phổ thông chưa hiệu quả.

⁸ Kế hoạch số 633/KH-UBND ngày 10/5/2019 của UBND huyện về việc thực hiện Đề án “Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh sau tốt nghiệp trung học cơ sở giai đoạn 2018-2025” trên địa bàn huyện Ngọc Hồi.

- Cơ sở vật chất của một số trường mầm non, trường phổ thông chưa đảm bảo, phòng chức năng, phòng bộ môn thiếu nhiều đã ảnh hưởng đến chất lượng giáo dục của các đơn vị.

- Đội ngũ giáo viên còn thiếu nhiều so với định mức quy định⁹ để giảng dạy 02 buổi/ngày.

2. Nguyên nhân của những hạn chế, khuyết điểm

- Một bộ phận nhân dân nhận thức chưa đầy đủ về công tác giáo dục. Một số tập quán lạc hậu chưa được xóa bỏ triệt để làm ảnh hưởng không nhỏ tới chất lượng học tập, việc huy động và duy trì sĩ số học sinh.

- Do tình hình phát triển và yêu cầu xã hội nên sau tốt nghiệp THCS đa phần cha mẹ học sinh mong muốn con em mình tiếp tục học văn hóa cấp cao hơn, không lựa chọn học nghề nên tỷ lệ học viên tham gia học nghề tại Trung tâm GDNN-GDTX huyện còn ít, vì vậy công tác hướng nghiệp còn gặp khó khăn; Nhận thức của người dân và xã hội đối với giáo dục nghề nghiệp còn hạn chế nên chưa động viên, khuyến khích con em tham gia học tập tại trung tâm đào tạo nghề của huyện, tỉnh.

- Nguồn kinh phí chủ yếu dựa vào ngân sách nhà nước, công tác xã hội hóa giáo dục trên địa bàn huyện chưa cao.

3. Bài học kinh nghiệm của địa phương

- Cụ thể hóa mục tiêu Chỉ thị 10-CT/TW phù hợp với thực tế địa phương bằng Chương trình, Kế hoạch; tổ chức chỉ đạo thống nhất và quyết tâm của cả hệ thống chính trị là điều kiện tiên quyết để thực hiện thành công.

- Làm tốt công tác tuyên truyền vận động để cả hệ thống chính trị, người dân hiểu về vai trò, trách nhiệm và cùng tham gia thực hiện các nhiệm vụ PCGD, XMC; Chú trọng các nguồn lực đầu tư cơ sở vật chất trường học.

- Ngành giáo dục giữ vai trò chủ đạo trong tham mưu, chủ động phối hợp với các ban, ngành, đoàn thể, các phòng ban chuyên môn, các xã, thị trấn để tổ chức thực hiện các nhiệm vụ PCGD, XMC; từng cán bộ, giáo viên phải phải nêu cao tinh thần trách nhiệm của mình trong việc tham mưu, phối hợp thực hiện.

- Đẩy mạnh công tác PCGD, XMC gắn với các phong trào thi đua của ngành. Đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục để nâng cao chất lượng PCGD, XMC.

- Làm tốt công tác phối hợp giữa nhà trường - gia đình - xã hội để cùng tham gia huy động, duy trì số lượng trẻ đến trường; tổ chức tư vấn, hướng nghiệp cho học sinh

⁹ Thông tư 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV Thông tư liên tịch quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập; Thông tư 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12/7/2017 Thông tư hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập.

và cha mẹ học sinh bậc THCS; có những giải pháp hiệu quả để nâng cao chất lượng giáo dục, chú trọng các nội dung, hình thức học tập, tạo cơ hội học tập cho mọi người.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, MỤC TIÊU VÀ NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP ĐẾN NĂM 2030

1. Phương hướng

- Hoàn thành các mục tiêu của Chương trình 137-CTr/HU ngày 07/7/2014 của BCH Đảng bộ huyện Khóa V về thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/01/2013 của BCH TW Đảng về đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu CNH-HĐH trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng XHCN và hội nhập quốc tế, được cụ thể hóa trong Kế hoạch số 1190/KH-UBND ngày 15/12/2014 của UBND huyện; Chương trình số 04-CTr/HU ngày 16-9-2020 của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khóa VII thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ VII, nhiệm kỳ 2020-2025;

- Tạo sự chuyển biến căn bản, mạnh mẽ về chất lượng, hiệu quả giáo dục, nhằm nâng cao dân trí một cách toàn diện. Củng cố và duy trì và nâng cao chất lượng PCGD, XMC; phấn đấu nâng mức độ đạt chuẩn PCGD lên mức 3 tại một số xã, thị trấn.

2. Mục tiêu

- Sắp xếp, củng cố mạng lưới trường lớp tinh gọn đáp ứng nhu cầu học tập của học sinh gắn với nâng cao chất lượng dạy học, phấn đấu có từ 100% số trường mầm non, 80% số trường tiểu học, 100% số trường THCS, 100% số trường TH-THCS đạt chuẩn quốc gia. 100% các trường, điểm trường mầm non, phổ thông có công trình vệ sinh và hệ thống nước sạch. Phấn đấu có 100% giáo viên mầm non, giáo viên tiểu học, giáo viên THCS đạt trình độ chuẩn. Củng cố và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục, xóa mù chữ; nâng cao chất lượng giáo dục học sinh các cấp học, đặc biệt là học sinh dân tộc thiểu số.

- *Đối với giáo dục mầm non:* Củng cố và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục cho trẻ mầm non 5 tuổi; phát triển giáo dục mầm non trẻ em dưới 5 tuổi: phấn đấu đến 2025 huy động trẻ em trong độ tuổi nhà trẻ đến trường từ 25% trở lên; trẻ em độ tuổi mẫu giáo đến trường đạt từ 95% trở lên; huy động ra lớp đối với trẻ khuyết tật, trẻ thiệt thòi từ 70% trở lên.

- *Đối với Giáo dục phổ thông:* Duy trì và nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học, trung học cơ sở, xóa mù chữ và không mù chữ.

Huy động trẻ trong độ tuổi ra học tiểu học 100%; 100% học sinh tiểu học học 2 buổi/ngày; huy động trẻ trong độ tuổi ra học THCS từ 99% trở lên; huy động 99% trở lên số học sinh hoàn thành chương trình giáo dục tiểu học vào học lớp 6; 100% học sinh lớp 3,4,5,6 được học chương trình tiếng Anh hệ 10 năm và Tin học, khuyến khích làm quen tiếng Anh ở lớp 1 và lớp 2 đối với những vùng thuận lợi; 100% các cơ sở

giáo dục phổ thông được đầu tư trang thiết bị dạy và học tối thiểu, đảm bảo đủ 01 phòng học/lớp để thực hiện cho đổi mới giáo dục phổ thông mới theo lộ trình.

- *Đối với giáo dục nghề nghiệp:* Đẩy mạnh công tác phân luồng học sinh sau tốt nghiệp trung học cơ sở, phấn đấu đến năm 2025 ít nhất 40% học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở chuyển sang học nghề.

3. Các giải pháp thực hiện

3.1. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền; tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo và quản lý của cấp ủy, chính quyền, sự phối hợp chặt chẽ, hiệu quả, đồng bộ giữa các ngành, các cấp và cả hệ thống chính trị

- Tổ chức phổ biến quán triệt nội dung Kết luận số 51-KL/TW của Ban Bí thư, Quyết định số 628/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 1696/QĐ-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và chỉ đạo của Tỉnh ủy tại Công văn số 874-CV/TU đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức các sở, ban, ngành, chính quyền địa phương các cấp, đặc biệt là cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên ngành Giáo dục và học sinh, sinh viên trên địa bàn.

- Đổi mới, tăng cường nội dung và phương pháp truyền thông đối với công tác đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, trong đó tập trung những quy định mới của Luật Giáo dục năm 2019, Luật Giáo dục nghề nghiệp, triển khai chương trình giáo dục phổ thông mới và các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Kế hoạch này đến tất cả cán bộ, công chức, viên chức và các tầng lớp nhân dân, tạo sự đồng thuận của xã hội trong thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo.

- Tiếp tục nâng cao trách nhiệm của các ban, ngành, chính quyền các cấp trong việc cụ thể hóa các quan điểm, chủ trương của Đảng về phát triển giáo dục và đào tạo thành các chương trình, kế hoạch hành động, lồng ghép trong các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của từng địa phương hằng năm; chú trọng công tác sơ kết hằng năm, tổng kết, rút kinh nghiệm trong quá trình thực hiện; kịp thời phát hiện, biểu dương những tấm gương người tốt, việc tốt, điển hình đổi mới, sáng tạo trong các hoạt động giáo dục và đào tạo.

3.2. Đẩy mạnh công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, chú trọng giáo dục nhân cách, đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, kiến thức pháp luật và ý thức công dân trong hệ thống giáo dục quốc dân

- Tiếp tục tuyên truyền, đẩy mạnh việc triển khai thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Bộ Chính trị khóa XII về đẩy mạnh, học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh và Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 08 tháng 9 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh, học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong ngành Giáo dục đào tạo. Triển khai có hiệu quả Chỉ thị số 31/CT-TTg ngày 04 tháng 12 năm 2019 về tăng cường giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh, sinh viên và Quyết định số 1299/QĐ-TTg ngày 03 tháng 10 năm 2018 phê duyệt Đề án “Xây dựng văn hóa ứng xử trong trường học giai đoạn 2018-2025” của Thủ tướng Chính phủ.

- Xây dựng môi trường giáo dục mở gắn kết gia đình, nhà trường, cộng đồng nhằm mục tiêu giáo dục con người Việt Nam phát triển toàn diện và phát huy tốt nhất

tiềm năng, khả năng sáng tạo của mỗi cá nhân.

- Đổi mới nội dung, phương pháp và tăng cường quản lý chất lượng giảng dạy, học tập, kiểm tra, đánh giá các môn lý luận chính trị, đạo đức, giáo dục công dân, giáo dục pháp luật, giáo dục lịch sử văn hóa dân tộc và giáo dục quốc phòng, an ninh trong các cơ sở giáo dục đào tạo; nâng cao hiệu quả quản lý công tác giáo dục chính trị, tư tưởng đối với các cơ sở giáo dục ngoài công lập.

- Xây dựng và phát triển văn hóa nhà trường hướng đến môi trường giáo dục an toàn, thân thiện, tích cực; thực hiện tốt công tác xây dựng Đảng trong trường học, phát huy vai trò của các tổ chức Đoàn thể trong xây dựng và phát triển nhà trường.

3.3. Nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và xu hướng hội nhập quốc tế; tiếp tục phân luồng học sinh sau trung học cơ sở; củng cố và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục, xóa mù chữ và xây dựng xã hội học tập

- Nâng cao chất lượng hoạt động của các cơ sở đào tạo trên địa bàn, chú trọng việc thu hút và đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phù hợp với nhu cầu thị trường lao động, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương trong xu thế cách mạng công nghiệp và hội nhập quốc tế; đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực vùng dân tộc thiểu số; tăng cường liên doanh, liên kết trong giáo dục và đào tạo nguồn nhân lực.

- Thực hiện đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp của Đề án giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018-2025 trên địa bàn huyện¹⁰. Trong đó chú trọng các giải pháp đổi mới nội dung, phương pháp, hình thức giáo dục hướng nghiệp trong trường phổ thông; triển khai hiệu quả mô hình dạy nghề gắn với học chương trình phổ thông.

- Sắp xếp, củng cố các trường phổ thông phù hợp với điều kiện mới, từng bước đảm bảo công bằng, bình đẳng trong giáo dục. Thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục các cấp học, đặc biệt là nâng cao chất lượng giáo dục đối với học sinh dân tộc thiểu số¹¹.

- Thực hiện các giải pháp để tăng tỷ lệ huy động trẻ em mẫu giáo đến trường, tăng cường các điều kiện đảm bảo chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ để củng cố và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, tiến tới phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo dưới 5 tuổi.

- Củng cố và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục tiểu học, phổ cập giáo dục trung học cơ sở và xóa mù chữ. Xây dựng học liệu mở cho học tập suốt đời, xây dựng xã hội học tập, triển khai và nhân rộng mô hình công dân học tập, gia đình, cộng đồng học tập và đơn vị học tập.

- Chú trọng bồi dưỡng kiến thức tin học, kỹ năng ứng dụng khoa học công nghệ,

¹⁰ Kế hoạch số 633/KH-UBND ngày 10/5/2019 của UBND huyện về việc thực hiện Đề án “Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh sau tốt nghiệp trung học cơ sở giai đoạn 2018-2025” trên địa bàn huyện Ngọc Hồi.

¹¹ Kế hoạch 08/KH-PGDĐT ngày 09 tháng 2 năm 2017 của Phòng GD&ĐT về việc thực hiện nâng cao chất lượng giáo dục đối với học sinh dân tộc thiểu số giai đoạn 2016-2020; Kế hoạch số 19/KH-PGDĐT ngày 06 tháng 4 năm 2017 của Phòng GD&ĐT về việc thực hiện đề án “Tăng cường tiếng việt cho trẻ em mầm non, học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016-2020 định hướng đến 2025”.

kỹ năng làm việc nhóm cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động phù hợp với từng lĩnh vực, ngành nghề, địa phương. Nâng cao hiệu quả dạy học ngoại ngữ trong trường mầm non, phổ thông và nâng cao trình độ ngoại ngữ cho người lao động đáp ứng yêu cầu hội nhập.

3.4. Nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; bảo đảm các điều kiện cơ bản để triển khai có hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông và sách giáo khoa mới

- Triển khai thực hiện chủ trương của Đảng, Nhà nước về tinh giản biên chế gắn với sắp xếp tổ chức bộ máy¹² và cơ cấu lại đội ngũ công chức, viên chức trong ngành Giáo dục; tiếp tục rà soát, sắp xếp và bố trí đủ số lượng giáo viên bảo đảm quy định về khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục.

- Xây dựng lộ trình và triển khai thực hiện quy định về chuẩn trình độ đào tạo giáo viên theo Luật Giáo dục năm 2019; khắc phục tình trạng thừa, thiếu cục bộ; thực hiện bồi dưỡng đội ngũ theo tiêu chuẩn, chức danh nghề nghiệp; chuẩn nghề nghiệp giáo viên, chuẩn hiệu trưởng cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông. Triển khai có hiệu quả công tác bồi dưỡng giáo viên đáp ứng yêu cầu triển khai chương trình giáo dục phổ thông mới.

- Triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ, chính sách đối với giáo viên, tạo động lực cho giáo viên yên tâm công tác, thu hút sinh viên tốt nghiệp loại giỏi về địa phương công tác.

- Tổ chức triển khai có hiệu quả Chương trình GDPT mới và triển khai tốt tài liệu giáo dục địa phương; nâng cao chất lượng các hoạt động giáo dục đặc thù như: nâng cao chất lượng tiếng Việt cho học sinh dân tộc thiểu số, củng cố mở rộng dạy học tiếng dân tộc thiểu số cho cán bộ quản lý giáo viên công tác vùng dân tộc thiểu số.

- Tăng cường tính dự báo trong rà soát sắp xếp mạng lưới trường, lớp nhằm khắc phục tình trạng lớp học nhỏ lẻ cũng như khắc phục tình trạng quá tải tại một số trường trung tâm. Ưu tiên quỹ đất để đảm bảo xây dựng và phát triển trường học.

Huy động các nguồn lực, bảo đảm kinh phí thực hiện đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học phục vụ triển khai Chương trình giáo dục phổ thông mới; triển khai có hiệu quả Đề án bảo đảm cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông giai đoạn 2017-2025 theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

3.5. Tiếp tục đổi mới công tác quản lý; đổi mới cơ chế tài chính, tăng cường xã hội hóa; đẩy mạnh công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát; ngăn chặn, xử lý nghiêm những tiêu cực trong hoạt động giáo dục, đào tạo

- Tăng cường đổi mới công tác quản lý trong giáo dục và đào tạo; đẩy mạnh cải cách hành chính, tăng cường phân cấp, nâng cao trách nhiệm, tạo động lực và tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm, phát huy vai trò người đứng đầu trong các cơ sở giáo dục, đào tạo và các địa phương, phấn đấu đạt tỷ lệ đơn vị sự nghiệp công lập lĩnh vực giáo dục đào tạo tự chủ tài chính theo lộ trình. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin

¹² Tiếp tục thực hiện có hiệu quả việc sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh theo Chương trình số 53-CTr/TU ngày 21 tháng 02 năm 2018 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XV.

trong quản lý, dạy học đảm bảo kết nối, chia sẻ và cập nhật dữ liệu, thông tin giữa cơ quan quản lý với các cơ sở giáo dục và cha mẹ học sinh.

- Đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục, khuyến khích các cá nhân, doanh nghiệp và toàn xã hội tham gia đầu tư phát triển giáo dục và đào tạo, đặc biệt là phát triển giáo dục gắn với nhu cầu xã hội; thực hiện có hiệu quả các chính sách thu hút đầu tư ngoài công lập vào lĩnh vực giáo dục và đào tạo ở địa phương.

- Thực hiện đổi mới cơ chế tài chính đối với giáo dục đào tạo; cơ cấu và phân bổ hợp lý cho chi đầu tư và chi sự nghiệp góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo. Đổi mới cơ chế quản lý, huy động và sử dụng nguồn lực cho các dịch vụ giáo dục và đào tạo đảm bảo triển khai hiệu quả chương trình phổ thông mới. Tạo điều kiện để huy động quỹ khuyến học, khuyến tài hỗ trợ học sinh nghèo, học sinh diện chính sách.

- Nâng cao hiệu quả hoạt động kiểm tra, giám sát của cơ quan chức năng đối với hoạt động của các cơ sở giáo dục và đào tạo trên địa bàn. Phát huy vai trò, trách nhiệm các cấp ủy Đảng, chính quyền, tổ chức chính trị - xã hội các cấp trong việc lãnh đạo, chỉ đạo, phối hợp với các cơ quan quản lý và các cơ sở giáo dục và đào tạo trên địa bàn; ngăn chặn, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm quy định về đạo đức nhà giáo, những tiêu cực trong kiểm tra, đánh giá, kiểm định chất lượng giáo dục và đào tạo đảm bảo thực chất, công bằng, khách quan.

V. KIẾN NGHỊ ĐỀ XUẤT

1. Sở GD&ĐT tham mưu UBND tỉnh tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi cho các trường học, đặc biệt các trường học ở vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn.

2. UBND tỉnh tiếp tục kiến nghị với Chính phủ bổ sung biên chế đội ngũ giáo viên đảm bảo tỷ lệ giáo viên/ lớp theo đúng quy định.

Trên đây là Báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Chỉ thị số 10-CT/TW của Bộ Chính trị về giáo dục của UBND huyện Ngọc Hồi./.

Nơi nhận:

- TT Huyện ủy (b/c);
- Ban Tuyên giáo Huyện ủy;
- Sở GD&ĐT Kon Tum;
- CT, các PCT UBND huyện;
- CVP, các PCVP;
- Phòng GD&ĐT;
- Lưu: VT, TH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Y Lan

